**VIII. Kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu**

**Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật**

**1. Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đến Cục Bảo vệ thực vật hoặc tổ chức chứng nhận hợp quy có phòng thử nghiệm đáp ứng quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP và được Cục Bảo vệ thực vật ủy quyền (Cơ quan kiểm tra nhà nước).

- Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan kiểm tra nhà nước kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Cơ quan kiểm tra nhà nước xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cơ quan kiểm tra nhà nước thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và thực hiện kiểm tra chất lượng

Trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra nhà nước kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan kiểm tra nhà nước xác nhận vào đơn đăng ký và tiến hành lấy mẫu theo quy định.

Kiểm tra thực tế sự phù hợp của lô phân bón tại địa điểm lấy mẫu so với tài liệu trong hồ sơ đăng ký. Trường hợp phù hợp, tiến hành lấy mẫu phân bón. Mẫu phân bón sau khi lấy phải được niêm phong và lập Biên bản lấy mẫu kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu theo Mẫu số 17 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

Thử nghiệm tất cả các chỉ tiêu chất lượng và yếu tố hạn chế của phân bón theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón.

+ Hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ, cơ quan kiểm tra nhà nước trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Thông báo kết quả kiểm tra:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi lấy mẫu kiểm tra, cơ quan kiểm tra nhà nước thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 18 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

Phân bón được phép đưa về kho bảo quản trước khi có kết quả kiểm tra và thực hiện theo quy định về thủ tục kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

*Trường hợp áp dụng chế độ miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu và không phải lấy mẫu kiểm tra*

Trong thời hạn 02 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm tra nhà nước thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 18 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 84/2019/NĐ-CP.

**2. Cách thức thực hiện:**

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính: Các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc nộp bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu;

b) Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng: Các thành phần hồ sơ phải được scan, chụp từ bản chính.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP;

b) Bản chụp các giấy tờ sau:

- Hợp đồng mua bán;

- Danh mục hàng hóa kèm theo (ghi rõ số lượng đăng ký, mã hiệu của từng lô hàng);

- Hóa đơn hàng hóa;

- Vận đơn (đối với trường hợp hàng hóa nhập theo đường không, đường biển hoặc đường sắt).

*Trường hợp áp dụng chế độ miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu:*

Tổ chức, cá nhân nộp Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

**4. Thời hạn giải quyết:**

10 ngày làm việc (kể từ khi lấy mẫu kiểm tra)

*Đối với trường hợp áp dụng chế độ miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu:* 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Cục Bảo vệ thực vật hoặc tổ chức chứng nhận hợp quy có phòng thử nghiệm đáp ứng quy định tại Nghị định 74/2018/NĐ-CP, Nghị định 154/2018/NĐ-CP và được Cục Bảo vệ thực vật ủy quyền.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu

**8. Lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu số 16: Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Điều 46 Luật Trồng trọt năm 2018;

- Điều 4, Điều 19, Điều 21, Điều 25 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

- Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

**Mẫu số 16**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC**

**VỀ CHẤT LƯỢNG PHÂN BÓN NHẬP KHẨU**

(*Có giá trị đến ngày ...... tháng .......năm ......*)

**Kính gửi**: .……………………………………(1)

Địa chỉ:…………………………………..............................................................

Điện thoại:………………………………… Fax:……………………………......

Tổ chức, cá nhân:....................................................................................................

Địa chỉ:...................................................................................................................

Điện thoại:.................................................... Fax:..................................................

**Đăng ký kiểm tra chất lượng phân bón sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phân bón** | **Mã số phân bón *(nếu có)*** | **Loại phân bón** | **Khối lượng** | **Nhà**  **sản xuất** | **Ngày**  **sản xuất** | **Hạn**  **sử dụng** | **Xuất xứ** | **Ghi**  **chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Đăng ký kiểm tra lô hàng nói trên tại địa điểm *(địa điểm, sơ đồ kho lưu chứa phân bón để kiểm tra)*:

………………………………………………………………………….………….…………………………………………………………………………………………………………...

**Hồ sơ kèm theo gồm có:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Hợp đồng số:………………............  - Hóa đơn số:………………………..  - Vận đơn số:………………………..  - Danh mục hàng hóa:……………… | - Giấy phép nhập khẩu *(đối với loại phân bón yêu cầu giấy phép)*:………………………….  - Phiếu kết quả thử nghiệm của nhà sản xuất *(nếu có):…………………………………………..*  - Giấy tờ khác *(nếu có)*: …………………….. |

**Chúng tôi xin cam đoan và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật:**

1. Tính hợp lệ và hợp pháp của hồ sơ;
2. Giữ nguyên trạng hàng hóa tại địa điểm đăng ký trên và xuất trình hàng hóa cùng hồ sơ Hải quan để ……....(1) thực hiện việc kiểm tra chất lượng lô hàng này;
3. Chỉ đưa hàng hóa vào sản xuất, buôn bán, sử dụng khi được …… (1) cấp Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng phân bón nhập khẩu kết luận lô hàng đạt yêu cầu chất lượng.

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA NHÀ NƯỚC**  Vào sổ đăng ký số:  *........., ngày ....... tháng ....... năm .........*  *(Ký tên, đóng dấu)* | *........., ngày ....... tháng ....... năm .........*  **TỔ CHỨC NHẬP KHẨU**  **(Đại diện tổ chức )**  (*Ký tên, đóng dấu*) |

(1) Tên cơ quan kiểm tra nhà nước.